

LOCK

133 mm

126 mm

53 mm

133 mm

glenmark

10 x 1 x 10 TABLETS

Perindopril Erbumine Tablets 4 mg

Perigard-4

Rx PRESCRIPTION MEDICINE

Rx PRESCRIPTION MEDICINE

Perigard-4

Perindopril Erbumine Tablets 4 mg

Thuốc bán theo đơn " PERIGARD 4
Thành phần: mỗi viên nén bao phim chứa Perindopril Erbumine BP 4mg
SĐK: Quy cách: 10 hộp nhỏ x 1 vỉ x 10 viên nén.
Bảo quản: bảo quản dưới 30°C. Tránh ẩm và ánh sáng.
 Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Để thuốc tránh xa tầm tay trẻ em.
 Số lô SX, NSX, HD xem "Batch No.", "Mfg Date", "Exp Date" trên bao bì
 Chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều dùng, thận trọng và các lưu ý khác:
 xem trong tờ hướng dẫn sử dụng kèm theo
Sản xuất bởi: GLENMARK PHARMACEUTICALS LTD, Ấn Độ Plot No. E-37,
 39, MIDC Area, Satpur, Naik - 422 007, Maharashtra, India.
DNNE:

10 x 1 x 10 TABLETS

glenmark

P500000 VN



Lần đầu: 19/9/2014
 BỘ Y TẾ
 CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
 ĐÃ PHÊ DUYỆT

Composition:
 Each uncoated tablet contains:
 Perindopril Erbumine BP 4 mg
 equivalent to Perindopril 3.336 mg
 Dosage: As directed by the Physician.
 Store below 30°C.
 Protect from moisture & light.
 KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.
 Visa No.



Indication, Administration & Contraindication:
 See package insert.
 CAREFULLY READ THE INSERT BEFORE USE
 Specification: In-house



19/8/83
 bsa (21/10/13)

SAME SIZE ARTWORK
CARTON SIZE 135 mm X 133 mm X 53 mm

Rx PRESCRIPTION MEDICINE

Perigard-4

Perindopril Erbumine Tablets 4 mg

10 x 1 x 10 TABLETS

 **glenmark**

Manufactured by:
 **glenmark**
PHARMACEUTICALS LTD.
Plot No. E-37, 39, MIDC Area,
Satpur, Nashik - 422 007,
Maharashtra, India.
© Trade Mark

Mfg. Lic. No. MKD/803

Batch No. XXXX

Mfg. Date dd/mm/yyyy

Expiry Date dd/mm/yyyy



SAME SIZE ARTWORK
CARTON SIZE : 130 mm x 50 mm x 12 mm



Manufactured by:
glenmark
PHARMACEUTICALS LTD.
Plot No. E-37, 39, MIDC Area,
Sapur, Nashik - 422 007,
Maharashtra, India.
© Trade Mark



Mfg. Lc. No. NKD/803
Visa No.
Batch No. XXXX
Mfg. Date dd/mm/yyyy
Expiry Date dd/mm/yyyy

Trade Name: Perigard-4
Composition: Perindopril Erbumine BP 4 mg
Perindopril Erbumine BP equivalent to Perindopril 3.338 mg
Dosage: As directed by the Physician.
Store below 30°C. Protect from moisture & light.
KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.
See package insert.
Indication, Administration & Contraindications:
CAREFULLY READ THE INSERT BEFORE USE
Specification: In-house

Perigard-4

PE00000 VN

Perigard-4

Rx PRESCRIPTION MEDICINE

Perigard-4
Perindopril Erbumine Tablets 4 mg

glenmark

1 STRIP OF 10 TABLETS

Perigard-4

Perigard-4

SPACE FOR PHARMACODE

130 mm

50 mm

12 mm

5.5 mm
36 mm
11 mm

Rx PRESCRIPTION MEDICINE

Perigard-4


Perindopril Erbumine
Tablets 4 mg

Composition:
Each uncoated tablet contains:
Perindopril Erbumine BP 4 mg
equivalent to
Perindopril 3.338 mg

Dosage: As directed by the physician.
Store below 30°C.
Protect from moisture & light.
KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.

Indication, Administration & Contraindication:
See package insert.
CAREFULLY READ THE INSERT BEFORE USE

Specification: In-house
Mfg. Lic. No. NKD/803
Visa No.

MANUFACTURED BY:
 **Denmark**
 PHARMACEUTICALS LTD.
 PLOT NO. E-37, 38, MIDC AREA,
 SATPUR, NASIK - 422 007,
 MAHARASHTRA, INDIA.
 © Trade Mark

PED00000 VN

Batch No. :Mfg. date: dd/mm/yyyy Expiry Date : dd/mm/yyyy

Perigard-4 Perigard-4 Perigard-4 Perigard-4 Perigard-4 Perigard-4

SAME SIZE ARTWORK
STRIP SIZE: 47 mm x 125 mm
FOIL WIDTH: 141 mm
REPEAT LENGTH: 83 mm



36 mm

11 mm

36 mm

5.5 mm

Rx PRESCRIPTION MEDICINE

Perigard-4

Perindopril Erbumine
Tablets 4 mg

Composition:
Each uncoated tablet contains:
Perindopril Erbumine BP 4 mg
equivalent to
Perindopril 3.338 mg
Dosage: As directed by the physician.
Store below 30°C.
Protect from moisture & light.
KEEP OUT OF REACH OF
CHILDREN.

Indication, Administration &
Contraindication:
See package insert.
**CAREFULLY READ THE INSERT
BEFORE USE**
Specification: In-house
Mfg. Lic. No. NKD/803
Visa No.

MANUFACTURED BY:
glenmark
PHARMACEUTICALS LTD.
PLOT NO. E-37, 38, MIDC AREA,
SATPUR, NASIK - 422 007,
MAHARASHTRA, INDIA.
© Trade Mark

PE00000 VN

Batch No. :Mfg. date: dd/mm/yyyy Expiry Date : dd/mm/yyyy

Rx PRESCRIPTION MEDICINE

Perigard-4

Perindopril Erbumine
Tablets 4 mg

Composition:
Each uncoated tablet contains:
Perindopril Erbumine BP 4 mg
equivalent to
Perindopril 3.338 mg
Dosage: As directed by the physician.
Store below 30°C.
Protect from moisture & light.
KEEP OUT OF REACH OF
CHILDREN.

Indication, Administration &
Contraindication:
See package insert.
**CAREFULLY READ THE INSERT
BEFORE USE**
Specification: In-house
Mfg. Lic. No. NKD/803
Visa No.

MANUFACTURED BY:
glenmark
PHARMACEUTICALS LTD.
PLOT NO. E-37, 38, MIDC AREA,
SATPUR, NASIK - 422 007,
MAHARASHTRA, INDIA.
© Trade Mark

PE00000 VN

2 mm SPACE
FOR REPEAT

141 mm

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ.
Thuốc này chỉ dùng theo đơn của bác sĩ.

PERIGARD-2/4

Viên nén Perindopril Erbumin 2mg/ 4mg.

Perigard (Perindopril erbumin) là muối terbutamin của perindopril, dạng ester ethyl của một chất ức chế enzym chuyển angiotensin (ACE) không có cấu trúc sulfhydryl.

THÀNH PHẦN:

Perigard- 2 : Mỗi viên nén không bao chứa:

Perindopril erbumin 2 mg.

Tương đương với perindopril 1,669 mg.

Perigard- 4: Mỗi viên nén không bao chứa:

Perindopril erbumin 4 mg.

Tương đương với perindopril 3,338 mg.

Tá dược: lactose, microcrystallin cellulose, magnesi stearat, keo silicon dioxid.

DƯỢC LỰC HỌC:

Perigard (perindopril erbumin) là tiền chất của perindoprilat, chất có tác dụng ức chế ACE ở người và động vật. Cơ chế làm hạ huyết áp của perindoprilat chủ yếu là do ức chế hoạt tính của ACE. ACE là một peptidyl dipeptidase có tác dụng xúc tác chuyển Angiotensin I dạng decapeptid không hoạt tính thành angiotensin II có tác dụng co mạch.

Trong khi cơ chế chính gây hạ huyết áp của perindopril được tin là thông qua hệ thống renin - angiotensin - andosterone, các chất ức chế ACE cũng có một số tác dụng ngay cả đối với chứng tăng huyết áp có renin thấp.

Sau khi uống Perigard (perindopril erbumin), ACE bị ức chế tỷ lệ với liều dùng và nồng độ thuốc trong máu, với tác dụng ức chế tối đa đạt được là 80-90% kéo dài trong 10 - 12 giờ khi dùng liều 8 mg. Sau 24 giờ, tác dụng ức chế ACE còn khoảng 60%. Mức độ ức chế ACE đạt được giảm dần theo thời gian.

DƯỢC ĐỘNG HỌC:

Sau khi uống, Perigard (perindopril erbumin) được hấp thu nhanh và đạt nồng độ đỉnh sau một giờ. Sinh khả dụng tuyệt đối theo đường uống của perindopril khoảng 65-70%. Sau khi hấp thu, khoảng 20% perindopril trong cơ thể bị thủy phân thành chất chuyển hoá có hoạt tính là perindoprilat, thuốc này có sinh khả dụng trung bình khoảng 25%. Nồng độ đỉnh trong huyết tương của perindoprilat đạt được trong khoảng 3 tới 4 giờ sau khi dùng perindopril. Sự có mặt của thức ăn trong đường tiêu hoá không ảnh hưởng đến tốc độ và mức độ hấp thu perindopril nhưng làm giảm sinh khả dụng của perindoprilat khoảng 35%.

Với các liều 4, 8 và 16 mg Perindopril erbumin, Cmax và AUC của perindopril và perindoprilat tăng có tính chất tuyến tính và tỷ lệ với liều dùng trong cả sau khi uống liều đơn cũng như ở trạng thái ổn định khi dùng ngày một lần trong nhiều ngày.

Perigard (perindopril erbumin) bị chuyển hoá mạnh bởi enzym esterase ở gan sau khi dùng đường uống, chỉ có 4 - 12% liều dùng của thuốc tồn tại dạng không chuyển hoá trong nước tiểu. Thời gian bán thải trung bình của perindopril cho hầu hết quá trình thải trừ là khoảng 0,8 tới 1 giờ. Ở nồng độ perindopril rất thấp trong huyết tương (<3mg/ml) thuốc có thời gian bán thải giai đoạn cuối kéo dài giống như quan sát thấy với các thuốc ức chế ACE khác, đó là do sự giải phóng chậm của perindopril ra khỏi các vị trí gắn kết với ACE ở huyết tương hay mô.

Bệnh nhân thiếu năng gan:

Sinh khả dụng của perindoprilat tăng ở bệnh nhân suy chức năng gan. Nồng độ của perindoprilat trong huyết tương ở bệnh nhân suy chức năng gan cao hơn khoảng 50% so với nồng độ quan sát thấy trên người tình nguyện khoẻ mạnh hay bệnh nhân tăng huyết áp có chức năng gan bình thường.

Thời gian bán thải biểu kiến trung bình của perindoprilat là 3-10 giờ cho hầu hết quá trình thải trừ, với thời gian bán thải ở giai đoạn cuối cùng kéo dài tới 30 -120 giờ, đó là do sự giải phóng chậm của perindoprilat ra khỏi các vị trí gắn kết với ACE ở huyết tương hay mô. Khi dùng liều lặp lại perindopril một lần một ngày theo đường uống, perindoprilat tích lũy khoảng 1,5 tới 2 lần so với dùng liều đơn và đạt được trạng thái ổn định trong huyết tương sau 3-6 ngày. Thành thải của perindoprilat và các chất chuyển hoá của nó chủ yếu là qua thận.

Bệnh nhân suy tim

Thành thải perindoprilat giảm ở các bệnh nhân suy tim sung huyết, dẫn tới AUC cao hơn 40%. Khoảng 60% perindopril trong hệ tuần hoàn gắn với protein huyết tương, và chỉ có 10-20% perindoprilat gắn với protein. Do đó, các tương tác thuốc liên quan tới sự gắn với protein huyết tương là hầu như không có.

CHỈ ĐỊNH:

Perigard (Perindopril erbumin) được chỉ định để điều trị tăng huyết áp nguyên phát. Perigard (Perindopril erbumin) có thể dùng đơn độc hay kết hợp với các nhóm thuốc chống tăng huyết áp khác, đặc biệt là các thuốc lợi tiểu thiazid.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG:

Với bệnh nhân tăng huyết áp không biến chứng: Trên bệnh nhân tăng huyết áp nguyên phát liều khuyến cáo ban đầu là 4 mg, ngày một lần. Liều có thể tăng dần lên cho tới khi huyết áp được kiểm soát (đo huyết áp ngay trước khi dùng).



liều kế tiếp) hay tới liều tối đa 16mg/ngày. Liều duy trì thông thường là 4 tới 8 mg, ngày một lần. Perigard (Perindopril erbumin) cũng có thể chia làm hai lần một ngày.

Trên người cao tuổi: Như trên bệnh nhân trẻ tuổi hơn, liều khuyến cáo ban đầu của Perigard (Perindopril erbumin) cho bệnh nhân cao tuổi (> 65 tuổi) là 4 mg một ngày, chia làm một hoặc hai liều. Khi dùng liều cao hơn 8 mg/ngày cần dùng thận trọng và phải giám sát y tế chặt chẽ.

Dùng cùng các thuốc lợi tiểu: khi huyết áp không được kiểm soát tốt với dùng Perigard (Perindopril erbumin) đơn độc, có thể dùng thêm một thuốc lợi tiểu.

Trên bệnh nhân suy thận: Dữ liệu động học cho thấy sự thải trừ Perigard (Perindopril erbumin) giảm ở bệnh nhân suy thận, sự tích lũy thuốc tăng đáng kể khi độ thanh thải creatinin giảm xuống dưới 30 ml/phút. Trên những bệnh nhân này (độ thanh thải creatinin < 30ml/phút) tính an toàn và hiệu quả của perindopril chưa được thiết lập. Với bệnh nhân có mức độ suy thận nhẹ hơn (độ thanh thải creatinin trên 30ml/phút), nên dùng liều ban đầu 2 mg/ngày, và không dùng quá 8 mg/ngày do kinh nghiệm lâm sàng còn hạn chế. Trong quá trình thẩm tách, Perigard (Perindopril erbumin) được thải trừ với độ thanh thải giống như ở bệnh nhân có chức năng thận bình thường.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Perigard (Perindopril erbumin) chống chỉ định cho bệnh nhân mẫn cảm với thuốc này hay các thuốc ức chế ACE khác. Perigard (Perindopril erbumin) cũng chống chỉ định cho bệnh nhân có tiền sử phù mạch liên quan tới việc điều trị bằng thuốc ức chế ACE trước đó. Không dùng cho phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú. Không dùng cho trẻ em vì tính an toàn và hiệu quả chưa được xác lập.

Phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú: Không dùng cho phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú.

Ảnh hưởng lên khả năng lái xe hay vận hành máy móc: Cần thận trọng khi đang lái xe hay vận hành máy móc vì thuốc có thể gây chóng mặt, đau đầu.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN :

+ Các tác dụng không mong muốn thường gặp gồm: Ho, chóng mặt, đau đầu, đau chân, thiếu kiểm chế, viêm mũi, đau họng, nhiễm trùng đường hô hấp trên, mệt mỏi.

+ Các tác dụng không mong muốn ít gặp hơn: Giống các thuốc ức chế ACE khác, perindopril erbumin có thể gây ra hạ huyết áp triệu chứng. Perindopril erbumin có liên quan tới hạ huyết áp trong 0,3% bệnh nhân tăng huyết áp không biến chứng trong các thử nghiệm có kiểm chứng giả dược ở Mỹ. Các triệu chứng liên quan tới hạ huyết áp thể đứng được thông báo trong 0,8% số bệnh nhân khác.

Hạ huyết áp triệu chứng do dùng thuốc ức chế ACE dễ xảy ra hơn ở bệnh nhân mất nước và điện giải do hậu quả của việc dùng thuốc lợi tiểu kéo dài, chế độ ăn hạn chế muối, thẩm tách, tiêu chảy hay nôn mửa. Cần bổ sung đủ nước và điện giải trước khi dùng liều ban đầu perindopril erbumin.

Trên bệnh nhân có nguy cơ hạ huyết áp quá mức, điều trị bằng perindopril erbumin cần được giám sát y tế chặt chẽ. Các bệnh nhân cần được giám sát chặt chẽ trong hai tuần đầu điều trị và bất cứ khi nào tăng liều perindopril erbumin và/ hoặc thuốc lợi tiểu.

Nếu xảy ra hạ huyết áp quá mức, bệnh nhân cần được đặt nằm ngửa ngay lập tức và điều trị bằng truyền tinh mạch dung dịch nước muối sinh lý nếu cần thiết. Có thể tiếp tục điều trị bằng perindopril erbumin sau khi hồi phục thể tích máu và huyết áp.

+ Các tác dụng không mong muốn hiếm gặp gồm: phù mạch (sung mắt, môi, lưỡi, họng, cánh tay hoặc chân và khó nuốt), đau cánh tay, sốt, đánh trống ngực, khó tiêu, căng cơ, nốt đỏ tía trên da, viêm xoang, nhiễm virus.

KHẢ NĂNG GÂY UNG THƯ, ĐỘT BIẾN GEN VÀ SUY GIẢM KHẢ NĂNG SINH SẢN:

+ **Khả năng gây ung thư:** không có bằng chứng về tác dụng gây ung thư trong các nghiên cứu trên chuột cống và chuột nhắt.

+ **Khả năng gây đột biến gen:** không phát hiện thấy khả năng gây độc trên gen do perindopril erbumin, perindoprilat, và các chất chuyển hoá khác trong các nghiên cứu *in vivo* và *in vitro* khác nhau.

+ **Suy giảm khả năng sinh sản:** không có ảnh hưởng đáng kể trên khả năng sinh sản của chuột cống khi dùng liều cao gấp 30 lần (tính theo mg/kg) hay gấp 6 lần (tính theo mg/m²) so với liều perindopril erbumin tối đa khuyến cáo trên lâm sàng.

THẬN TRỌNG:

Trong tăng huyết áp đã điều trị lợi tiểu từ trước, cần phải:

Ngưng thuốc lợi tiểu ít nhất 3 ngày trước khi bắt đầu dùng perindopril, rồi sau đó dùng lại nếu cần. Nếu không thể ngưng, nên bắt đầu điều trị với liều 2 mg.

Trong tăng huyết áp động mạch thận, nên bắt đầu điều trị với liều thấp 2 mg (xem tăng huyết áp do mạch máu thận).

Nên đánh giá creatinin huyết tương trước khi bắt đầu điều trị và trong tháng đầu điều trị.

Trong suy tim sung huyết đã điều trị với lợi tiểu, nếu có thể nên giảm liều lợi tiểu vài ngày trước khi bắt đầu dùng perindopril.

Trên những nhóm người có nguy cơ, đặc biệt là người suy tim sung huyết nặng (độ IV), người cao tuổi, người bệnh ban đầu có huyết áp quá thấp hoặc suy chức năng thận, hoặc người bệnh đang dùng lợi tiểu liều cao, phải bắt đầu dùng liều thấp 1 mg, dưới sự theo dõi của y tế.



Thâm phân máu: Các phản ứng giống phản vệ (phù nề môi và lưỡi kèm khó thở và tụt huyết áp) đã được ghi nhận trong khi thâm phân máu với màng có tính thấm cao (polyacrylonitril) trên người bệnh được điều trị thuốc ức chế enzym chuyển. Nên tránh sự phối hợp này.

+ **Bệnh nhân suy chức năng thận, bệnh nhân tăng huyết áp có suy tim sung huyết:** có thể gây ra thiếu niệu và/ hoặc tăng urê huyết tiến triển và hiếm khi xảy ra suy thận cấp và/hoặc tử vong.

+ **Bệnh nhân tăng huyết áp bị hẹp động mạch thận:** có thể xảy ra tăng urê huyết và creatinin huyết thanh ở các bệnh nhân tăng huyết áp bị hẹp động mạch thận một bên hoặc hai bên có hồi phục. Các bệnh nhân này cần kiểm soát chức năng thận trong vài tuần đầu dùng thuốc.

+ **Tăng kali huyết :** trong các thử nghiệm lâm sàng có kiểm soát, có 1,4% bệnh nhân dùng Perigard (perindopril erbumin) và 2,3% bệnh nhân dùng giả dược cho thấy có tăng nồng độ kali trong huyết tương lớn hơn 5,7 mEq/L. Trong phần lớn các trường hợp các giá trị đều biệt lập mà không có liên quan lâm sàng và hiếm khi phải ngừng thuốc. Các yếu tố nguy cơ làm tăng kali huyết bao gồm: suy thận, tiểu đường và việc sử dụng đồng thời các tác nhân như thuốc lợi tiểu giữ kali, chế phẩm bổ sung kali và/ hoặc muối thay thế có chứa kali. Tất cả các thuốc làm tăng kali huyết cần phải dùng thận trọng khi kết hợp với Perigard (perindopril erbumin)

+ **Ho :** có thể do ức chế sự phân huỷ bradykinin nội sinh, tác dụng gây ho khan dai dẳng được thông báo khi dùng tất cả các thuốc ức chế ACE, và thường hết sau khi ngừng điều trị. Ho khan xuất hiện trong 12% bệnh nhân dùng Perigard (Perindopril erbumin) và 4,5% bệnh nhân dùng giả dược.

+ **Phẫu thuật/ Gây mê:** ở bệnh nhân đang trải qua phẫu thuật hay trong quá trình gây mê với các thuốc làm giảm huyết áp, Perigard (Perindopril erbumin) có thể ức chế sự tạo thành angiotensin II và do đó có thể xảy ra giải phóng bù renin thứ phát. Sự hạ huyết áp theo cơ chế này có thể xử lý bằng cách tăng thể tích máu.

+ **Dùng cho nhi khoa:** tính an toàn và hiệu quả của Perigard (Perindopril erbumin) trên bệnh nhân nhi chưa được thiết lập.

TƯƠNG TÁC THUỐC

+ Thuốc kháng viêm không steroid, corticoid, tetracosactid: làm giảm tác dụng của perindopril.

+ Thuốc trị đái tháo đường (insulin, sulfamid hạ đường huyết): Cũng như các thuốc ức chế enzym chuyển đổi angiotensin khác, perindopril làm tăng tác dụng hạ đường huyết của các thuốc này.

+ **Với các thuốc lợi tiểu:** với bệnh nhân đang dùng thuốc lợi tiểu, đặc biệt người mới bắt đầu dùng, có thể xảy ra hạ huyết áp quá mức sau khi bắt đầu dùng Perigard (Perindopril erbumin). Có thể hạn chế khả năng gây hạ huyết áp bằng cách dùng thuốc lợi tiểu hoặc tăng khẩu phần muối trước khi bắt đầu điều trị bằng Perigard (Perindopril erbumin).

+ **Các chế phẩm bổ sung kali và thuốc lợi tiểu giữ kali:** Perigard (Perindopril erbumin) có thể làm tăng kali trong huyết thanh do thuốc có khả năng làm giảm sản xuất aldosteron. Khi sử dụng các thuốc lợi tiểu giữ kali (spironolacton, amilorid, triamteren và các thuốc khác), các chế phẩm bổ sung kali hay các thuốc khác có khả năng làm tăng kali huyết thanh (indomethacin, heparin, cyclosporin và các thuốc khác) có thể làm tăng nguy cơ gây tăng kali-huyết. Do đó khi chỉ định dùng đồng thời, các thuốc này cần phải sử dụng thận trọng và phải giám sát thường xuyên nồng độ kali huyết thanh của bệnh nhân.

+ **Với liti:** Đã có thông báo về tăng nồng độ liti huyết thanh và các triệu chứng của nhiễm độc liti trên những bệnh nhân dùng đồng thời liti và thuốc ức chế ACE. Do vậy các thuốc này cần thận trọng khi dùng phối hợp và nên thường xuyên giám sát nồng độ liti trong huyết thanh. Dùng thuốc lợi tiểu có thể làm tăng nguy cơ nhiễm độc liti.

+ **Digoxin:** nghiên cứu về dược động học cho thấy nồng độ digoxin trong huyết tương không bị ảnh hưởng khi dùng đồng thời với Perigard (Perindopril erbumin), nhưng không loại trừ khả năng digoxin ảnh hưởng lên nồng độ của perindopril/perindoprilat trong huyết tương.

+ **Gentamicin:** các dữ liệu nghiên cứu trên động vật cho thấy có khả năng xảy ra tương tác giữa Perigard (Perindopril erbumin) và gentamicin. Tuy nhiên điều này chưa được nghiên cứu trên người. Cần thận trọng khi dùng đồng thời hai thuốc này.

+ **Với thức ăn:** uống Perigard (Perindopril erbumin) với thức ăn không làm giảm đáng kể tốc độ và mức độ hấp thu Perigard (Perindopril erbumin) so với uống lúc đói.

QUÁ LIỀU:

Nghiên cứu trên động vật với liều Perigard (Perindopril erbumin) tới 2500 mg/kg trên chuột nhắt, 3000 mg/kg trên chuột cống và 1600 mg/kg trên chó đều không gây chết động vật thí nghiệm. Các kinh nghiệm với quá liều còn ít nhưng cho thấy người dung nạp khá tốt với dùng quá liều các thuốc ức chế ACE khác. Các dấu hiệu thường gặp nhất là hạ huyết áp và cần xử trí bằng điều trị triệu chứng và điều trị hỗ trợ. Nên dùng điều trị bằng thuốc ức chế ACE và giám sát bệnh nhân chặt chẽ. Cần điều trị mất cân bằng nước, điện giải và hạ huyết áp bằng các trị liệu thích hợp.

BẢO QUẢN:

Bảo quản dưới 30°C, tránh ẩm và ánh sáng.

TRÌNH BÀY:

Hộp gồm 10 hộp nhỏ x 1 vỉ x 10 viên.

Thông báo với bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc

Hạn dùng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn: Nhà sản xuất

Không dùng thuốc quá hạn sử dụng. Để ngoài tầm tay trẻ em.

Sản xuất bởi:

GLENMARK PHARMACEUTICALS LTD.

Plot No. E-37, 39 MIDC Area, Satpur, Nasik-422 007, Maharashtra, INDIA

